

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 105/2025/HN-ST

Ngày: 14/4/2025

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Cường**

+ Ông **Phạm Minh Đức**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*
Không tham gia.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 21/2025/TLST-HN ngày 22/01/2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Kim L**, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện G, tỉnh T.

2. Bị đơn: **Phạm Văn D**, sinh năm xxxx (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên**

đơn bà Lê Thị Kim L trình bày: bà và ông D cưới nhau vào năm 1989 do mai mối hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Trung. Quá trình chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo cho gia đình. Bà và ông D sống ly thân với nhau tháng 06/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên bà xin được ly hôn với ông D.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Lê Phúc K, sinh ngày xx/xx/xxxx và Phạm Lê Minh V, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L xin ly hôn với ông D nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn ông Phạm Văn D trú tại địa chỉ: ấp Hiệp Trị, xã Phước Trung, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông D đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông D theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà L xin ly hôn với ông D do quá trình chung sống luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông D ăn chơi, nhậu nhẹt, không lo cho gia đình. Bà L và ông D có thời gian ly thân từ

tháng 06/2023 đến nay, trong thời gian ly thân bà L và ông D đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Ông D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông D vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà L, chứng tỏ ông D không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Lê Phúc K, sinh ngày xx/xx/xxxx và Phạm Lê Minh V, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đã trưởng thành, khi ly hôn bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: bà L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: do bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 277, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Kim L.

[1] Về hôn nhân: bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Phạm Văn D.

[2] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013907 ngày 20/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên bà L đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Phước Trung;
- Nông sãi;
- Lầu hoà sô, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên